| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 208/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lê Thị Nhanh

2/ Ông Nguyễn Thành Thông

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3077/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị R, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số A T, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V), sinh năm 1979
Địa chỉ: S ST, Vancouver BC V5R2A2, Canada

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Ông Huỳnh Khắc T, sinh năm 1976, địa chỉ: Số B N, Phường 1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada chứng thực số 12.5/2024, quyển số 01-SCTCK ngày 06/5/2024).

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị R trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) kết hôn vào năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, cấp ngày 08/01/2001.

Sau khi kết hôn hai bên sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được.

Hiện nay hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V).

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 19/5/2003 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Theo bản tự khai của bị đơn ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số chứng thực 14.5/2024 quyển số 01-SCTCK ngày 06/5/2024 có nội dung như sau

Ông và bà Lê Thị R kết hôn vào năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, cấp ngày 08/01/2001.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng ông thống nhất như trình bày của bà Lê Thị R. Ông được biết bà Lê Thị R đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà Lê Thị R ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị R.

Về con chung: Ông và bà R có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 19/5/2003 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Lê Thị R, bị đơn ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị R đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) đang cư trú tại Canada, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị R bị đơn ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V), đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Thị R bị đơn ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) có đăng ký kết hôn vào năm 2001 theo giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, cấp ngày 08/01/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Lê Thị R và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) trình bày: Sau khi kết hôn hai bên sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Hiện nay hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân và không chung sống cùng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, việc hàn gắn là không thể thực hiện được. Nay bà R nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V), hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V)có bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị R.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V), bà Lê Thị R đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị R xin ly hôn và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) xác định có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 19/5/2003 hiện đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị R.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 19/5/2003 hiện đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị R phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Lê Thị R đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0032727 ngày 02/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Bà Lê Thị R được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, Nguyễn Huy V (Nguyen, Huy V) được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**